



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 76965/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 69424/PKN-VKNQG ngày 20 tháng 11 năm 2025

- Tên mẫu: Nước yến sào SkyNest Kid Gold HMO
- Mã số mẫu: 102516342/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong hũ thủy tinh, 70 mL/hũ. Số lượng: 4.
NSX: 27/09/2025 - HSD: 18 tháng.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 01/10/2025
- Thời gian thử nghiệm: 01/10/2025 - 20/11/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC DƯỠNG BẢO BẢO AN
Địa chỉ: Số 68, Đường 17, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng 2'-fucosyllactose (2'-FL)	mg/100g	NIFC.05.M.207 (HPLC)	180

Ghi chú: Đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025
TU. VIÊN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhân khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Số: 041876/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 43449.25



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC DƯỠNG BẢO BẢO AN
Địa chỉ : SỐ 68, ĐƯỜNG SỐ 17, KHU PHỐ 3, PHƯỜNG HIỆP BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : Nước yến sào SkyNest Kid Gold HMO
Ngày lấy mẫu : 05/12/2025
Lượng mẫu : 07 hũ x 70 ml
Ngày nhận mẫu : 05/12/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Anh Dương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm : 05/12/2025-08/12/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Carbohydrate	AOAC 2020.07 (a)	10,42	g/100 ml
2	Chất béo/Lipid	HD.PP.6-8/TT.LH:2024 (Ref. AOAC 989.05) (a)	Không phát hiện LOQ = 0,052	g/100 ml
3	Năng lượng	HD.PP.11-1/TT.LH (Regulation (EU) No 1169/2011)	43,36	kcal/100 ml
4	Chất đạm/Protein	HD.PP.13/TT.LH:2023 (Ref. AOAC 991.20) (a)	0,42	g/100 ml (Nx6,25)
5	Tỷ trọng	HD.PP.92/TT.LH:2023 (Ref. AOAC 920.134) (a)	1,047	g/ml
6	Natri (Na)	HD.PP.36/TT.AAS:2024 (Ref. AOAC 985.35, AOAC 984.27) (a)	29,1	mg/100 ml
7	Đường tổng số	HD.PP.20/TT.SK:2024 (a)	9,04	g/100 ml



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 43449.25



Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC DƯỠNG BẢO BẢO AN**
Địa chỉ : **SỐ 68, ĐƯỜNG SỐ 17, KHU PHỐ 3, PHƯỜNG HIỆP BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Tên mẫu : **NƯỚC YÊN SÀO SKYNEST KID GOLD HMO**
Ngày lấy mẫu : **05/12/2025**
Lượng mẫu : **07 hũ x 70 ml**
Ngày nhận mẫu : **05/12/2025**
Người gửi mẫu : **Nguyễn Anh Dương**
Người nhận mẫu : **Nguyễn Thanh Hiền**



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong hũ thủy tinh kín, không nhãn sản phẩm, không NSX - HSD. Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **08-12-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
P. TRƯỞNG KHOA DINH DƯỠNG - ATTP



TS. Vương Ngọc Thùy

Mã số mẫu: 43449.25

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG NUTRITION FACTS

Số lượng khẩu phần (Servings per container)		
Khẩu phần (Serving size)		100ml
		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRVs)
Năng lượng (Energy)	43,36 Kcal	2,17%
Chất đạm (Protein)	0,42 g	0,84%
Carbohydrat (Carbohydrate)	10,42 g	3,21%
Đường tổng số (Total Sugars)	9,04 g	
Chất béo (Total Fat)	0 g	0%
Natri (Sodium)	29,10 mg	1,46%
<i>% giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên nhu cầu năng lượng hàng ngày 2.000 Kcal./ % Nutrient reference values (NRVs) are calculated based on a daily energy requirement of 2,000 Kcal.</i>		
Năng lượng mỗi gam/ Calories per gram		
Fat 9 kcal	Carbohydrate 4 kcal	Protein 4 kcal





Số: 032923 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 33128.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC DƯỠNG BẢO BẢO AN
Địa chỉ : SỐ 68, ĐƯỜNG SỐ 17, KHU PHỐ 3, PHƯỜNG HIỆP BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : Nước yến sào SkyNest Kid Gold HMO
Ngày lấy mẫu : 30/08/2025
Lượng mẫu : 03 hũ x 70 ml
Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Anh Dương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 30/09/2025-09/10/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 (a)	< 1	CFU/ml
2	Coliforms	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (a)	< 1	CFU/ml
3	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (a)	< 1	CFU/ml
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08-02/TT.VS:2023 (Ref. TCVN 8881:2011; ISO 16266:2010) (a)	< 1	CFU/ml
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 (a)	< 1	CFU/ml
6	<i>Streptococci faecal (Enterococci faecal)</i>	HD.PP.07-02/TT.VS:2024 (Ref. TCVN 6189-2:2009; ISO 7899-2:2000) (a)	< 1	CFU/ml
7	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (a)	< 1	CFU/ml
8	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (a)	< 1	CFU/ml

Số: **033308** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 33442.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC DƯỠNG BẢO BẢO AN
Địa chỉ : SỐ 68, ĐƯỜNG SỐ 17, KHU PHỐ 3, PHƯỜNG HIỆP BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : Nước yến sào SkyNest Kid Gold HMO
Ngày lấy mẫu : 30/08/2025
Lượng mẫu : 07 hũ x 70 ml
Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Anh Dương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm : 30/09/2025-06/10/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Carbohydrate	AOAC 2020.07 (a)	10,41 (theo thông tư số 29/2023/TT-BYT)	g/100 ml
2	Chất đạm/Protein	HD.PP.13/TT.LH:2023 (Ref. AOAC 991.20) (a)	0,42	g/100 ml (Nx6,25)
3	Tỷ trọng	HD.PP.92/TT.LH:2023 (Ref. AOAC 920.134) (a)	1,047	g/ml
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/l
5	Calci (Ca)	HD.PP.37.1/TT.AAS:2023 (a)	61,7	mg/100 ml
6	Độ Brix	HD.PP.42/TT.AAS	11,8	%
7	Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	HD.PP.34/TT.SK	10,55	µg/100 ml
8	L-Lysine tự do	HD.PP.24/TT.SK	80,89	mg/100 ml
9	Acid amin tổng (Alanine, Arginine, Aspartic acid, Cystine, Glutamic acid, Glycine, Histidine, Isoleucine, Leucine, Lysine, Methionine, Phenylalanine, Proline, Serine, Threonine, Tryptophan, Tyrosine, Valine)	HD.PP.47/TT.SK	225,97	mg/100 ml
10	Collagen	HD.PP.55/TT.SK	181,14	mg/100 ml